

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **44/HNGĐ-ST**
Ngày 27 tháng 10 năm 2021
V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích
Ông Tống Như Hải
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1993 (*có mặt*)
Địa chỉ: Khu M, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ
+ Bị đơn: Anh **Đoàn Văn K**, sinh năm 1989 (*vắng mặt*)
Địa chỉ cũ: Khu M, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ hiện nay: Khu 6, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn là chị Bùi Thị T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Đoàn Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 03 tháng 07 năm 2012 đăng ký tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Năm 2015 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh K chơi bời, nợ nần, không quan tâm và chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2020. Nay tình cảm không còn, vợ chồng không còn sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn.

Quá trình chung sống có ba chung: Cháu Đoàn Trà M, sinh ngày 16/9/2010, cháu Đoàn Bảo N, sinh ngày 04/02/2013, cháu Đoàn Bảo Q sinh ngày 11/4/2016. Cháu Đoàn Trà M được sinh ra khi chưa đăng ký kết hôn, sau kết hôn mới đăng ký khai sinh. Tại phiên tòa chị Bùi Thị T thừa nhận cháu Đoàn Trà M và cháu Đoàn Bảo N là con riêng của chị.

Khi ly hôn chị xin nuôi cả ba con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con Về tài sản chung: Chị không đề nghị giải quyết.

***Bị đơn là anh Đoàn Văn K trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:**

Anh là chồng của chị Bùi Thị T, trước đây có hộ khẩu tại khu M, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ, tháng 6/2021 đã chuyển nơi cư trú về xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn với nhau ngày 03 tháng 07 năm 2012 đăng ký tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Đoàn Bảo N, sinh ngày 04/02/2013.

Đối với cháu Đoàn Trà M, sinh ngày 16/9/2010 là con riêng của chị T trước khi kết hôn. Năm 2013 đến năm 2015 anh phải đi cải tạo chị T có quan hệ với người khác và mang thai sinh cháu Đoàn Bảo Q, sinh ngày 11/4/2016

Nay ly hôn anh đề nghị xin được nuôi cháu Đoàn Bảo N, về cấp dưỡng nuôi con đề nghị chị T cấp dưỡng theo pháp luật.

Về tài sản: Vợ chồng có quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng, đất mua năm 2018 hết 18 triệu đồng phần còn lại do mẹ vợ cho vợ chồng. Năm 2019 vợ chồng xây nhà đầu năm 2020 thì xây xong. Giá trị xây nhà hết 700 triệu đồng. Về tài sản tôi kê khai như trên nhưng không đề nghị giải quyết ở vụ án này để tôi hoàn thiện hồ sơ đề nghị giải quyết sau.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa xác định quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin li hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đoàn Văn K tại biên bản lấy lời khai ngày 08/10/2021 anh K đề nghị giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Đoàn Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn cho rằng nguyên nhân dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng là do bất đồng quan điểm, tình cảm rạn nứt, vợ chồng không thể chung sống với nhau. Hiện vợ chồng sống ly thân. Bị đơn thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như nguyên đơn trình bày. Tại biên bản hoà giải ngày 08/10/2021 các đương sự đã thuận tình ly hôn vì vậy Tòa án cần công nhận sự thoả thuận của đương sự về hôn nhân.

[3] Về con: Các đương sự thừa nhận cháu Đoàn Trà M, sinh ngày 16/9/2010 và cháu Đoàn Bảo Q sinh ngày 11/4/2016 là con riêng của chị Bùi Thị T vì vậy cần giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp

Các đương sự đều có nguyện vọng được nuôi con chung là chính đáng. Tuy nhiên hiện nay anh K đang bị ung thư gan giai đoạn cuối và bị HIV giai đoạn cuối. Nguồn sống phụ thuộc vào gia đình bố mẹ đẻ vì vậy sẽ rất khó khăn khi điều kiện kinh tế và sức khỏe không thể đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác hiện 03

cháu nhỏ đang ở cùng chị T ổn định, chị Bùi Thị T có cửa hàng buôn bán, đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Đoàn Bảo N nên xét giao cháu Đoàn Bảo N cho chị Bùi Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cần xác nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị T và anh Đoàn Văn K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị T nhận trả thay phần án phí cho anh K nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55 các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Đoàn Văn K.

2. Về con: Giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Đoàn Bảo N, sinh ngày 04/02/2013 cho đến khi trưởng thành. Anh Đoàn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Bùi Thị T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con riêng là cháu Đoàn Trà M, sinh ngày 16/9/2010 và cháu Đoàn Bảo Q sinh ngày 11/4/2016.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 75.000 đồng và nộp thay cho anh Đoàn Văn K 75.000 đồng, tổng là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo biên lai thu số: AA/2020/0001680 ngày 16 tháng 3 năm 2021, nay hoàn trả chị Thuý 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo :

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành dân sự;
- UBND nơi ĐKKH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tạ Hồng Tuấn

